

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/ HNGĐ- ST

Ngày 03/7/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sao Hôm

Bà Hứa Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Xóm 1, thôn P, xã T, huyện A, thành phố H.

Bị đơn: Anh Lưu Xuân C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Chị N, anh C đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh C kết hôn ngày 19/01/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh H. Trước khi kết hôn, anh chị có được tự do tìm hiểu, tự

nguyện kết hôn. Anh chị có được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh C. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về tính cách, quan điểm sống hàng ngày. Theo chị N, anh C chơi bời, không quan tâm gia đình vợ con, không đóng góp kinh tế cùng chị nuôi dạy con cái. Chưa kể, anh C lười làm, nợ nần nhiều làm thất thoát kinh tế gia đình, mọi thứ trong gia đình đều phụ thuộc chị. Chị còn nghi ngờ anh C có người phụ nữ khác, cụ thể là ai thì chị không biết. Nhưng anh C thường xuyên không về nhà dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi cọ, có lúc còn xô xát nhau. Trong lúc nóng giận, anh C còn dùng vũ lực với chị. Vì vậy, chị đã không chịu đựng được và đến năm 2020, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện A, thành phố H sinh sống. Thời gian vợ chồng sống ly thân, anh C không liên lạc gì với chị, không tìm đón chị về. Còn chị vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ anh C và các con để gửi tiền cho bà chăm lo các cháu. Nay chị xét tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lưu Hoàng P, sinh ngày 23/01/2007 và Lưu Hoàng Đ, sinh ngày 01/7/2010, hiện đang ở cùng anh C và bà nội. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đồng ý giao hai con cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh C là 900.000đồng/1 con/ 1 tháng, hai con là 1.800.000đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 10 hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa và không trình bày các quan điểm.

Qua xác minh với trưởng thôn V, xã Đ, bà N-mẹ đẻ anh C xác định: Chị N và anh C chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C chơi bời, nợ nần nhiều nên vợ chồng mâu thuẫn, lạnh nhạt với nhau. Từ năm 2020, chị N đã bỏ về H sinh sống. Trước khi chị N nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, chị N có về xin chữ ký của anh C nhưng anh C không đồng ý ký đơn ly hôn và đến Tòa án để làm việc. Nay chị N xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 02 con chung là Lưu Hoàng P, sinh ngày 23/01/2007 và Lưu Hoàng Đ, sinh ngày 01/7/2010. Nếu anh chị ly hôn, Tòa án giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng thì gia đình bà vẫn tiếp tục hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu.

Tại phiên tòa:

Chị N và anh C đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý

kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lưu Xuân C. Về con chung: Giao con chung là Lưu Hoàng P, sinh ngày 23/01/2008 và Lưu Hoàng Đ, sinh ngày 02/7/2010 cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh C là 900.000đồng/1 con/ 1 tháng, hai con là 1.800.000đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 10 hàng tháng. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị N khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lưu Xuân C có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Chị N là nguyên đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C là bị đơn, không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị N, anh C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lưu Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian hòa thuận, hạnh phúc được 13 năm thì đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C mãi chơi, không chăm lo kinh tế gia đình vợ con mà còn gây nợ nần nhiều. Anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, có lúc còn xô xát nhau. Kể từ năm 2020, anh chị sống ly thân, bỏ mặc, không quan tâm đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ đó cho đến nay. Tòa án nhiều lần triệu tập anh C đến Tòa nhưng anh C không đến, không tham các buổi làm việc và không có lý do chỉ nhằm gây khó khăn cho chị N. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có Lưu Hoàng P, sinh ngày 23/01/2008 và Lưu Hoàng Đ, sinh ngày 02/7/2010. Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Từ nhỏ đến nay, các cháu đều sinh sống cùng với anh C và bà nội. Thời điểm, anh chị sống ly thân từ năm 2020, hai cháu vẫn sinh sống cùng anh C. Chị

N chỉ chu cấp tiền nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy, khi anh chị ly hôn, việc tiếp tục giao các cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống sinh hoạt, ăn ở, học tập cho các cháu. Đồng thời cũng phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của các cháu. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh C là 900.000đồng/1 con/ 1 tháng, hai con là 1.800.000đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày mùng 10 hàng tháng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị N tự nguyện cấp dưỡng và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 217; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N ly hôn anh Lưu Xuân C.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Lưu Hoàng P, sinh ngày 23/01/2008 và Lưu Hoàng Đ, sinh ngày 02/7/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh C là 900.000đồng/1 con/ 1 tháng, hai con là 1.800.000đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày mùng 10 hàng tháng.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, trừ với số tiền 300.000đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002968 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị N còn phải nộp 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương